

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHÂM CỨU TW**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 720 /BVCCTW

V/v mời chào giá hàng hóa mua sắm dịch
vụ cho Nhà thuốc Bệnh viện

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Các Quý Công ty sản xuất kinh doanh thuốc/Thiết bị y tế

Trước tiên, Bệnh viện Châm cứu Trung ương chân thành cảm ơn sự hợp tác của các Quý Công ty với Bệnh viện.

Bệnh viện đang có nhu cầu lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa dịch vụ cho Nhà thuốc Bệnh viện. Trân trọng kính mời các Quý Công ty gửi Báo giá các mặt hàng mà quý Công ty có khả năng cung cấp cho Bệnh viện (theo phụ lục đính kèm).

Kính đề nghị Quý Công ty điền đầy đủ thông tin, cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan tới hàng hóa, và gửi Báo giá cho chúng tôi:

- Nơi nhận: Khoa Dược - Bệnh viện Châm cứu Trung ương: Số 49 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, TP. Hà Nội
Số ĐT: 02435632740
- Báo giá file mềm gửi email: **phuongbvcc@gmail.com**
- Báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong.
- Hạn nhận báo giá: 10 giờ 00 phút ngày 27/7/2026

Lưu ý: Quý công ty gửi kèm theo báo giá: hồ sơ theo biểu mẫu tại Phụ lục V, bản cam kết theo Phụ lục VI và thông tin Báo giá:

- Công ty cung cấp đầy đủ thông tin về hàng hóa gồm: Tên hoạt chất, Tên thuốc/TTBYT, nồng độ hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản, nhóm tiêu chí kỹ thuật/Phân loại TTBYT, đơn vị tính, dạng bào chế, đường dùng, quy cách đóng gói, nước sản xuất, hãng sản xuất, số đăng ký/số giấy phép lưu hành sản phẩm, giá kê khai/kê khai lại, thông tin trúng thầu (nếu có).

- Đơn giá hàng hóa: bằng tiền đồng Việt Nam (đã bao gồm VAT).

- Hiệu lực của bảng báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KD.



PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Duy Luật

PHỤ LỤC: DANH MỤC MUA SẮM HÀNG HÓA DỊCH VỤ CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN LẦN 2 NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số 720 /BVCCTW ngày 16 tháng 7 năm 2026)

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. DANH MỤC THUỐC												
1	Jointmeno	Ibandronic acid (dưới dạng natri Ibandronate hydrated) 150mg	150mg	Uống	Viên nén bao phim	1	840110012324 (VN-20305-17)	Laboratorios Liconsa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	20	
2	Fosamax Plus 70mg/2800IU	Acid Alendronic (dưới dạng Natri alendronate trihydrate) + Vitamin D3	70mg/2800IU	Uống	Viên nén	1	840110031123 (VN-18940-15)	Rovi Pharma Industrial Services, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	300	
3	SaViDirein 50	Diacerein	50mg	Uống	Viên nang cứng	2	893110098123	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi	Việt Nam	Viên	6.000	
4	Ginkomifa	Mỗi ống 5ml chứa: Ginkgo biloba extract (chuẩn hóa EPG 246) (tương ứng 4,2mg flavonol glycosid toàn phần) 17,5mg	17,5mg/5ml	Đường tiêm	Dung dịch tiêm	4	VD-32919-19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Ống	1.000	
5	Gintecin Injection	Cao Ginkgo biloba	17,5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	2	VN-17785-14	Siu Guan Chem Ind. Co., Ltd.	Taiwan	Ống	10.000	
6	Gikorcen	Cao khô lá bạch quả (tương đương 28,8mg ginkgo flavon glycosid toàn phần)	120mg	Uống	Viên nang mềm	2	VN-22803-21	Korea Prime Pharm. Co., Ltd. Hàn Quốc	Hàn Quốc	Viên	20.000	
7	Hulitien	Choline alfoscerat	600mg	Uống	Viên nang mềm	4	893110579024	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Viên	10.000	
8	Tenaspec	Choline Alfoscerat	800mg	Uống	Viên nang mềm	4	893110714024	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	10.000	
9	Atsotine Soft Capsule	Choline Alfoscerat	400mg	Uống	Viên nang mềm	2	VN-22537-20	Korea Prime Pharm. Co., Ltd. Korea	Hàn Quốc	Viên	5.000	
10	Phescetam 400 mg/25 mg	Cinnarizine + Piracetam	25mg + 400 mg	Uống	Viên nang cứng	1	380110423425	Adipharm EAD	Bungary	Viên	5.000	
11	PT Micolin	Citicolin (tương đương citicolin natri 10,45% w/v) 10% (w/v)	100mg/ml x 60ml	Uống	Dung dịch uống	4	893110483925	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Chai	500	
12	Gerolin	Citicoline (dưới dạng Citicoline Sodium)	1000mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	800110180523	Laboratorio Farmaceutico C.T. s.r.l.	Ý	ống	3.000	

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
13	Gerolin	Citicoline (dưới dạng Citicoline Sodium)	500mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	800110180623	Laboratorio Farmaceutico C.T. s.r.l.	Ý	ống	1.000	
14	Methycobal 500mcg	Mecobalamin	500mcg	Uống	Viên nén bao đường	1	VN-22258-19	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên	5.000	
15	Methylcobalamin Capsules 1500mcg	Methylcobalamin	1500mcg	Uống	Viên nang mềm	2	890110186425	Softgel Healthcare Pvt. Ltd	Ấn Độ	Viên	40.000	
16	Capriles	Piracetam	800mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	4	893110922324	Công ty CP DP Hà Tây	Việt Nam	Ống	2.000	
17	Nacepil	Piracetam	Mỗi 10ml dung dịch chứa Piracetam 1,25g	Uống	Dung dịch thuốc	4	893110173023	Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Ống	15.000	
18	Pracetam 800	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	1	893110697724 (VD-18538-13)	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	10.000	
19	Lilonton Injection 1000mg/5ml	Piracetam	1000mg/5ml; 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	2	471110002300 (VN- 21961-19)	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Đài Loan	Ống	10.000	
20	Pilixitam	Piracetam	4g/20ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	2	VN-22974-21	JSC “Farmak”	Ukraine	Ống	10.000	
21	Quibay	Piracetam	2g/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	858110018825 (VN-15822-12)	HBM Pharma s.r.o	Slovakia	Ống	5.000	
22	Zentani 500mg/5ml	Acetyl leucin	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm		893110880924 (VD- 33432-19)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	3.000	
23	Acemuc	Acetylcysteine	200mg	Uống	Viên nang cứng	4	893100086424	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Viên	3.000	
24	Domuvar	Bacillus subtilis	2 x 10 ⁹ CFU/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	4	893400090523	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	500	
25	Enterogermina	Bào tử Bacillus clausii kháng đa kháng sinh	4 tỷ/ 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	1	800400108124	Opella Healthcare Italy S.R.L.	Ý	Ống	1.000	
26	Enterogermina	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/ 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	1	QLSP-0728-13	Opella Healthcare Italy S.R.L.	Ý	Ống	2.000	

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	Uro-Vaxom	Lyophilized eschrichia coli bacterial lysate	6mg	Uống	Viên nang cứng	1	760410251623 (QLSP-H03- 1161-19)	OM Pharma SA	Thụy Sĩ	Viên	3.000	
28	Rivaxored	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên nén bao phim	2	890110447025 (VN-22641-20)	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Viên	3.000	
29	Stadovas 5 CAP	Amlodipine	5mg	Uống	Viên nang cứng	2	VD-19692-13	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.000	
30	Apeglin 400mg	Gabapentin	400mg	Uống	Viên nang cứng	1	840110970824	Laboratorios Cinfa S.A.	Spain	Viên	5.000	
31	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên nén bao đường	BDG	300100131824	Delpharm Reims	Pháp	Viên	5.000	
32	No-Spa forte	Drotaverin hydroclorid	80mg	Uống	Viên nén	BDG	599110033523	Opella Healthcare Hungary Limited Liability Company (Opella Healthcare Hungary Ltd.)	Hungary	Viên	500	
33	Bluemoxi	Moxifloxacin	400mg	Uống	Viên nén bao phim	1	560115985624 (VN- 21370-18)	Bluepharma Indústria Farmacéutica S.A	Bồ Đào Nha	Viên	6.000	
34	Natrofen	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	1	520110786824 (VN- 21377-18)	Remedina S.A	Hy Lạp	Viên	1.000	
35	Yumangel F	Almagat	1,5g/15ml	Uống	Hỗn dịch uống	2	880100405823 (VN- 19209-15)	Yuhan Corporation	Hàn Quốc	Gói	5.000	
36	Phosphalugel	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/gói 20g	Uống	Hỗn dịch uống	BDG	300100006024	Pharmatis	Pháp	Gói	500	
37	Jiracek	Esomeprazol magnesi dihydrat tương đương Esomeprazol 40mg	40mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	4	893110661024 (VD- 28467-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	5.000	
38	Stadnex 20 CAP	Esomeprazole (dưới dạng esomeprazole (magnesium dihydrate) pellets 22%)	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	3	893110193624 (VD-22345-15)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.000	

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
39	Heltec	L-Ornithin – L-Aspartat	3g	Uống	Bột pha dung dịch uống	2	880110001900 (VN- 21957-19)	Korea Pharma Co., Ltd.	Korea	Gói	3.000	
40	Fortrans	Mỗi gói chứa: Macrogol 4000: 64 g; Anhydrous sodium sulfate: 5,7 g; Sodium bicarbonate: 1,68 g; Sodium chloride: 1,46 g; Potassium chloride: 0,75 g	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột pha dung dịch uống	1	VN-19677-16	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	300	
41	Fleet enema	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	(19g+7g)/118ml - 133ml	Thụt hậu môn/ trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	1	VN-21175-18	C.B Fleet Company Inc.	USA	Chai	300	
42	Sumitrex	Sucralfat	2g	Uống	Hỗn dịch uống	4	893100047523(VD- 22974-15)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Việt Nam	gói	1.000	
43	Carsil 90mg	Silymarin	90mg	Uống	Viên nang cứng	1	VN-22116-19	Sopharma AD	Bulgaria	Viên	5.000	
44	Rocalcic 50	Calcitonin salmon	50IU/ml	tiêm truyền	dung dịch tiêm và pha tiêm truyền	1	400110074323	Panpharma GmbH	Đức	ống	1.500	
45	Nuflam	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat kali chlorid 667mg) + Chondroitin sulfat (dưới dạng chondroitin sulfat shark 278mg)	500mg +250mg	Uống	Viên nang cứng	1	930100119824	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.	Australia	Viên	3.000	
46	Roitintab	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat natri clorid tương đương glucosamin 588,83mg) ; Chondroitin sulfat (dưới dạng natri chondroitin sulfat 274mg)	750mg + 250mg	Uống	Viên nén bao phim	4	893100225124	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Abiphar	Việt Nam	Viên	10.000	
47	Harufen	Ketoprofen	30mg	dùng ngoài	Miếng dán	2	880100347100	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	Miếng	5.000	
48	Reumokam	Meloxicam	15mg/1,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	2	482110442823 (VN-15387-12)	Farmak JSC	Ukraine	Ống	2.000	
49	Pregabakern	Pregabalin	100mg	Uống	Viên nang cứng	1	VN-22828-21	Kern Pharma S.L.	Spain	Viên	15.000	
50	Myonal	Eperison hydroclorid	50mg	Uống	Viên nén bao đường	1	VN-19072-15	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên	3.000	
51	Ryzonal	Eperison HCl	50mg	Uống	Viên nén bao phim	2	893110663724	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	1.000	

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
52	Thiocolchicosid DWP OD 8mg	Thiocolchicosid	8mg	Uống	Viên hoà tan nhanch	4	893110087325	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Viên	6.000	
53	Conipa Pure	Kẽm gluconat	70mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	4	893110421424 (VD- 24551-16)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ông	500	
54	Fogyma	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) Hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml	Uống	Dung dịch uống,	4	893100105624 (VD- 22658-15)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ông	2.000	
55	Aceffex	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin PP + Vitamin B6 + Vitamin B12 + Sắt sulfat + Lysine HCl + Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	300IU + 50IU + 3mg + 3mg + 10mg + 3mg + 5mcg + 16,5mg + 25mg + 5mg + 5mg	Uống	Viên nang mềm	4	893100196124 (VD- 17472-12)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Viên	10.000	
56	Zyfort	Thiamin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid + Cyanocobalamin	(100mg + 100mg + 5000mcg)/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	2	VN-22671-20	PT.Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ông	6.000	
57	Scanneuron	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên nén bao phim	2	893110352423 (VD-22677-15)	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	5.000	
58	Datviron	Benfotiamin	150mg	Uống	Viên nén bao đường	4	VD-35647-22	Công ty cổ phần dược Enlie	Việt Nam	Viên	20.000	
59	Calcicar 500 Tablet	Calci (dưới dạng calci carbonat 1250mg) 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	2	VN-22514-20	Incepta Pharmaceuticals Limited	Bangladesh	Viên	5.000	
60	Calci - D3	Calci (dưới dạng Calci carbonat 1250mg); Cholecalciferol (dưới dạng Dry vitamin D3 100 SD/S)	500 mg, 440 IU	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	4	893110313400 (VD- 34308-20)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Uống 2	Việt Nam	Gói	10.000	
61	PM NextG Cal	Phospho (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) + Calci (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) + Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 type 100 CWS) + Vitamin K1 (dưới dạng Dry vitamin K1 5% SD)	55mg + 120mg + 2mcg + 8mcg	Uống	Viên nang cứng	1	930100785624 (VN- 16529-13)	Probiotec Pharma Pty Limited	Australia	Viên	250.000	

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
62	Calvin Plus	Calci carbonat (tương đương 600mg Calci) + Mangan sulfat (tương đương 1,8mg Mangan) + Magnesi oxid (tương đương 40mg Magnesi) + Kẽm oxid (tương đương 7,5mg Kẽm) + Đồng (II) oxid (tương đương 1mg Đồng) + Cholecalciferol (vitamin D3) (loại 100 000 IU/g, tương đương 200 IU Cholecalciferol) + Natri borat (tương đương 250µg Boron)	1500mg + 6,65mg + 80mg + 11,2mg + 1,5mg + 3,0mg + 4,0mg	Uống	Viên nén bao phim	5	885100006423	Biolab Co., Ltd. Thái Lan	Thái Lan	Viên	5.000	
63	Calcium corbière extra	Calcium glubionate; Calcium lactobionate	Mỗi ống 5ml chứa: Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium lactobionate 319,91mg	Uống	Dung dịch uống	2	893100172125 (VD- 34368-20)	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Ống	20.000	
64	Calcium corbière extra	Calcium glubionate; Calcium lactobionate	Mỗi ống 5ml chứa: Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium lactobionate 319,91mg	Uống	Dung dịch uống	2	893100172125 (VD- 34368-20)	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Ống	20.000	
65	Euroginko Extra	Cao bạch quả (Ginkgo biloba extract); Vitamin B1 (Thiamin Nitrat); Vitamin B2 (Riboflavin); Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid); Vitamin PP (Nicotinamid)	40mg; 10mg; 5mg; 5mg; 10mg	Uống	Viên nang mềm	4	893100633424 (VD-17644-12)	Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	2.000	
66	Obibebe	Magnesi lactat dihydrat; Vitamin B6	Magnesi lactat dihydrat 470mg; Magnesi lactat dihydrat (tương ứng với 48mg Mg2+) 470mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 5mg Vitamin B6 5mg	Uống	Dung dịch uống	4	893110347323 (VD-21297-14)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ống	5.000	
67	Gamalate B6	Magnesium glutamate HBr + Acid gama amino butyric + Acid gama amino beta hydroxy butyric + Pyridoxin HCl	0,075g + 0,075g + 0,037g + 0,037g	Uống	Viên nén bao đường	1	840110126423	Ferrer Internacional S.A.	Tây Ban Nha	Viên	3.000	
68	Vihacaps 600	Phospholipid đậu nành	600mg	Uống	Viên nang mềm	5	VN-22018-19	Minskintercaps U.V	Belarus	Viên	5.000	

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Cộng: 68 khoản thuốc												
1	Gel bôi da Plasmakare No5	Phức hệ Tannic - Nano bạc (TSN), Pomegranate peel extract (chiết xuất lựu), Lactobionic acid, Chitosan	25g	Bôi ngoài da	Gel	TBYT loại B	250004480/PCBB-HN	Công ty CP Dược Khoa	Việt Nam	Hộp	100	
2	Dung dịch xịt họng PlasmaKare H Spray	Phức hợp chelat của kẽm và đồng (phức hệ Sanicompound), Carrageenan từ tảo biển, Pomegranate extract (chiết xuất lựu)	30ml	Xịt họng	Dung dịch	TBYT loại B	250004481/PCBB-HN	Công ty CP Dược Khoa	Việt Nam	Hộp	200	
3	Súc họng miệng PlasmaKare 250ml	TNS (Phức hệ Tannic-Nano bạc Plasma), Keo ong (Propolis)	250ml	Súc họng, miệng	Dung dịch	TBYT loại A	200001367/PCBA-HN	Công ty CP Dược Khoa	Việt Nam	Hộp	200	
4	MD-HIP	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Calcium phosphate, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	20	
5	MD-ISCHIAL	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Rhododendron, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	300	
6	MD-KNEE	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Arnica, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	200	
7	MD-LUMBAR	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Hamamelis, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	100	
8	MD-MATRIX	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Citric acid, Nicotinamide, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	10	
9	MD-MUSCLE	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Hypericum, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	50	
10	MD-NECK	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Silica, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	100	
11	MD-NEURAL	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Colocynthis, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	300	
12	MD-POLY	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Drosera, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	10	
13	MD-SHOULDER	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Iris, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	100	
14	MD-SMALL JOINTS	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Viola, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	10	

STT	Tên thuốc/ Thiết bị y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng/Thông số kỹ thuật cơ bản	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc/ Phân loại TBYT	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	MD-THORACIC	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Cimicifuga, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	40	
16	MD-TISSUE	Thành phần: Collagen lợn sữa. Thành phần khác: Ascorbic acid, Magnesium gluconate, Pyridoxine hydrochloride, Riboflavin, Thiamine hydrochloride, NaCl, Nước cất pha tiêm.		Tiêm	Dung dịch	TBYT loại D	2300678ĐKLH/BYT- HTTB	Guna S.p.a	Italy	Lọ	20	
17	Rapidol	Water; Cetyl Alcohol; Tocopheryl Acetate (Vitamin E); Menthol; Aloe Barbadensis Leaf Juice Powder; Glyceryl Stearate; Lavandula Angustifolia (Lavender) Oil; Panthenol (Vitamin B5); Prunus Amygdalus Dulcis (Sweet Almond) Oil; Cyclopentasiloxane & Dimethicone; Stearic Acid; Isopropyl Myristate; Glycerin; Origanum Majorana Leaf Oil; Benzyl Alcohol & Salicylic Acid & Glycerin & Sorbic Acid; Triethanolamine; Peg- 40 Stearate; Rosmarinus Officinalis (Rosemary) Leaf Oil; Propylene Glycol; Carbomer; Sorbitan Tristearate; Zingiber Officinale (Ginger) Root Oil; Eucalyptus Globulus Leaf Oil; Cinnamomum Camphora (Camphor) Bark Oil; Salvia Sclarea (Clary Sage) Oil; Eugenia Caryophyllus (Clove) Bud Oil; CI 77400.		Dùng ngoài	Dạng kem	TBYT loại A	200000031/PCBA-HD	Dan Pharm Ltd	Israel	Tuýp	500	
Cộng:17 khoản Thiết bị y tế												

**PHỤ LỤC V.1 GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬP SP KHÔNG PHẢI LÀ THUỐC
TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN CHÂM CỨU TRUNG ƯƠNG**
(Kèm theo Công văn số 720 /BVCCTW ngày 16 /7/2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Kính gửi: Giám đốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Email:.....

Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh tra kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bộ hồ sơ bao gồm:

STT	Nội dung	Ghi chú	Đạt/Không đạt
I	Hồ sơ pháp lý		
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Bản photo công chứng	
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	Bản photo công chứng	
3	Giấy chứng nhận thực hành tốt GSP, GMP của nhà sản xuất (nếu có)	Nếu sản phẩm là mặt hàng do Công ty sản xuất	
4	Chứng chỉ hành nghề của người phụ trách chuyên môn.	Bản photo công chứng	
5	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế theo quy định tại Điều 41, Nghị định 98/2021/NĐ- CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ (chỉ áp dụng đối với công ty kinh doanh trang thiết bị y tế phân loại B,C,D)	Bản photo công chứng	
II	Hồ sơ sản phẩm		
1	Giấy Công bố tiêu chuẩn áp dụng TTYT với TTYT loại A, B hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành với TTYT loại C, D	Bản photo công chứng	
2	Phân loại trang thiết bị y tế theo quy định hiện hành (với sản phẩm là TTYT)	Photo, sao y của công ty	
3	Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm	Photo, sao y của công ty	

STT	Nội dung	Ghi chú	Đạt/Không đạt
4	Tài liệu giới thiệu sản phẩm (ví dụ: mẫu nhãn, tờ giới thiệu sản phẩm với bác sĩ)	Tài liệu đã đăng ký với Cục Quản lý Dược Việt Nam	
5	Mẫu nhãn và Tờ thông tin về Hướng dẫn sử dụng sản phẩm	Photo, sao y của công ty	
6	Tờ khai hải quan (có dấu đỏ của công ty nhập khẩu) (nếu là sản phẩm nhập khẩu)	Photo, sao y của công ty	
7	Ủy quyền phân phối (nếu nhà cung cấp không là đơn vị sản xuất hoặc nhập khẩu trực tiếp)	Photo, sao y của công ty	
III	Hồ sơ về giá		
1	Bảng báo giá	Bản gốc	
2	03 bản hóa đơn phô tô bán cho 03 đơn vị khác nhau (có uy tín, cùng địa bàn, cùng thời điểm) của sản phẩm, ưu tiên bệnh viện tuyến trung ương.	Photo, sao y của công ty	
3	Hợp đồng mua bán giữa công ty và đơn vị khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Photo, sao y của công ty	
4	Thuyết minh ưu điểm sản phẩm so với các sản phẩm khác trên thị trường: về giá, dạng bào chế...	Bản gốc	
5	Kê khai/kê khai lại giá của sản phẩm với Cơ quan quản lý theo đúng quy định hiện hành với sản phẩm là TTBYT (theo quy định tại Điều 44,45 Nghị định 98/2021/NĐ-CP)	Photo, sao y của công ty	
6	Quyết định/ thông báo trúng thầu trang thiết bị y tế (đánh dấu bằng bôi màu những nội dung sau: tên sản phẩm, giá trúng thầu, đơn vị trúng thầu, ngày ban hành quyết định trúng thầu, thời hạn hiệu lực)	Photo, sao y của công ty	
IV	Giấy cam kết về giá, hồ sơ sản phẩm, chất lượng sản phẩm, tiến độ cung cấp	Bản gốc	

**PHỤ LỤC V.2 GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬP THUỐC TẠI NHÀ THUỐC
BỆNH VIỆN CHÂM CỨU TW**

(Kèm theo Công văn số 720 /BVCCTW ngày 16 /7/2026)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Giám đốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Email:.....

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh tra kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bộ hồ sơ bao gồm:

Stt	Nội dung	Ghi chú	Đạt/Không đạt
I	Hồ sơ pháp lý		
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Bản photo công chứng	
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	Bản photo công chứng	
3	Giấy chứng nhận GMP của nhà sản xuất	Nếu sản phẩm là mặt hàng do Công ty sản xuất	
4	Giấy chứng nhận GDP	Bản photo công chứng	
II	Hồ sơ sản phẩm		
1	Giấy phép lưu hành sản phẩm	Photo, sao y của công ty	
2	Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm	Photo, sao y của công ty	
3	Tài liệu giới thiệu sản phẩm (ví dụ: mẫu nhãn, tờ giới thiệu sản phẩm với bác sĩ)	Tài liệu đã đăng ký với Cục Quản lý Dược Việt Nam	
4	Tờ thông tin về Hướng dẫn sử dụng thuốc	Photo, sao y của công ty	
5	Tờ khai hải quan	Photo, sao y của công ty	
III	Hồ sơ về giá thuốc		
1	Bảng báo giá	Theo mẫu của NTB-V	
2	03 bản hóa đơn phô tô bán cho 03 đơn vị khác nhau (có uy tín, cùng địa bàn, cùng thời điểm) của sản phẩm, ưu tiên bệnh viện tuyến trung ương.	Photo, sao y của công ty	
3	Kê khai/kê khai lại giá của sản phẩm với Cơ quan quản lý theo đúng quy định hiện hành.	Photo, sao y của công ty	
4	Quyết định trúng thầu/Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực (trong vòng 12 tháng)	Photo, sao y của công ty	
5	Thông báo mời thầu (để chứng minh đấu thầu rộng rãi)	Photo, sao y của công ty	
IV	Giấy cam kết về giá, hồ sơ sản phẩm, chất lượng sản phẩm, tiến độ cung cấp	Bản gốc	

PHỤ LỤC VI: BẢN CAM KẾT.

(Kèm theo Công văn số 720 /BVCCTW ngày 16 /7/2026)

BẢN CAM KẾT

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Kính gửi: Giám đốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Chúng tôi xin được cung cấp các sản phẩm theo danh mục kèm theo vào Nhà thuốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương để đáp ứng nhu cầu khám và điều trị của người bệnh tại bệnh viện, Chúng tôi xin cam kết:

1. Cam kết về hồ sơ:

- Chúng tôi cam kết các tài liệu đó là xác thực và đúng với hồ sơ gốc. Nếu các cơ quan thanh tra, kiểm tra và bảo vệ pháp luật phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Công ty chúng tôi không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

2. Cam kết về hàng hóa:

Chúng tôi cam kết tất cả các sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp:

- Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đúng như đã đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước: Cục Quản lý Dược, Vụ TTB và công trình y tế.

- Đúng nguồn gốc xuất xứ.

- Đúng với hạn dùng và do nhà sản xuất ghi trên bao bì, vỉ, lọ, tuýp... không tẩy xóa, in lại.

- Cung cấp sản phẩm chính xác tên hàng hóa, nồng độ hàm lượng, đơn vị, đơn giá, quy cách, nhà sản xuất, nước sản xuất, giấy phép lưu hành,... theo trong kết quả trúng thầu được áp dụng.

- Sản phẩm không có sự tranh chấp giữa các nhà phân phối.

- Giá bán thống nhất tại các cơ sở y tế trên địa bàn Hà Nội.

- Các sản phẩm cận hạn (dưới 01 tháng), hết hạn do chậm luân chuyển, các sản phẩm không bán được sau 3 tháng nhập vào Bệnh viện, các sản phẩm bị thu hồi theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền, công ty đến làm thủ tục lấy lại hàng.

3. Cam kết về tiến độ cung cấp

Nếu hồ sơ cung cấp sản phẩm này của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi xin cam kết cung cấp đầy đủ hàng hóa theo hợp đồng ký kết với Quý Bệnh viện.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Người đại diện hợp pháp của công ty
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)